**TIẾT 32-BÀI 7. THỰC HÀNH SỬ DỤNG BẢN MẪU**

Tin học Lớp 8

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Sử dụng được một bản mẫu tuỳ ý để tạo bài trình chiểu.  
- Hiệu chỉnh được màu sắc, phông chữ, hình nền cho bản mẫu trình chiếu.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung***:

- Phát triển năng lực tự chủ, tự học: HS hoàn thiện bài trình chiếu và lưu tệp

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời cho các hoạt động về nội dung tạo bản mẫu, định dạng màu sắc, màu nền cho trang chiếu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được các câu hỏi và bài tập giáo viên yêu cầu.

***2.2. Năng lực riêng***:

- Bước đầu tạo ra được sản phẩm số phục vụ cuộc sống nhờ khai thác phần mềm ứng dụng. (NLa)

- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông ((NLc)

- Biết lựa chọn và sử dụng được các công cụ để chia sẻ, trao đổi thông tin. Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác được trong việc tạo ra, trình bày và giới thiệu được sản phẩm số. (NLe)

**3. Về phẩm chất:**

- Rèn luyện đức tính trung thực, thái độ trách nhiệm trong việc khai thác và sử dụng thông tin.

- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, không ngừng tìm tòi khám phá tri thức.

- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm cao với các công việc được giao trong hoạt động nhóm để tạo ra các sản phẩm số.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, ti vi (máy chiếu)

**2. Học liệu:** Phần mềm trình chiếu, Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**: Hs nhận nêu được điểm khác nhau của bản mẫu và mẫu định dạng

**b) Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi trên màn chiếu. Hs nghiên cứu sgk và trả lời các câu hỏi GV.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS: Bản mẫu và mẫu định dạng khác nhau

- Bản mẫu (Template) là một bản thiết kế của một hoặc một nhóm các trang chiếu được lưu dưới dạng một tệp có phần mở rộng là .pptx.

- Mẫu định dạng (Themes) là một tập hợp màu sắc, phông chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*B1. Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV chia nhóm – 2HS/nhóm. GV chiếu tình huống và HS trả lời các câu hỏi theo yêu cầu

Nội dung tình huống: Sau khi học bài “sử dụng các bản mẫu trong tạo bài trình chiếu” trong môn Tin học. Lan và Hoa cùng tranh luận với nhau và cho rằng bản mẫu và mẫu định dạng giống nhau. Theo em ý kiến của hai bạn đúng hay sai?

*B2. Thực hiện nhiệm vụ*

HS thảo luận cặp đôi, đưa ra câu trả lời.

*B3. Báo cáo, thảo luận*

HS trình bày kết quả.

HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*B4. Kết luận, nhận định*

- Phân tích tổng hợp và đánh giá các ý kiến của HS

- Đưa ra KL

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**a) Mục tiêu**: HS tìm hiểu nhiệm vụ bài tập SGKT 55-56. Thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện bài trình chiếu

**-** Sử dụng được một bản mẫu tuỳ ý để tạo bài trình chiểu.  
- Hiệu chỉnh được màu sắc, phông chữ, hình nền cho bản mẫu trình chiếu.

**b) Nội dung:**

**NV1:** Hs nghiên cứu nội dung bài thực hành sgk Trang 55, 56 và trả lời các câu hỏi của GV

**NV2:** Hs thảo luận và thực hành tạo bài trình chiếu (SGK T55- 56).

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện**  *(Hoạt động của GV và HS)* | **Sản phẩm**  *(Yêu cầu cần đạt)* |
| **NV1:**  *B1. Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân nghiên cứu nội dung bài tập thực hành SGK T55, T56 và trả lời câu hỏi:  ? Để tạo được bài trình chiếu tổng kết thi đua cần thực hiện theo các bước nào  ? Làm thế nào để sử dụng từ khóa "Education" để tìm kiếm bản mẫu phù hợp tạo bài trình chiếu  ? Làm thế nào để thiết lập bộ phông chữ cho phần tiêu đề và nội dung của bản mẫu  *B2. Thực hiện nhiệm vụ:*  HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  *B3. Báo cáo, thảo luận:*  GV gọi HS trong trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  *B4. Kết luận, nhận định*:  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.  **NV2:**  *B1. Chuyển giao nhiệm vụ:*  GV chia nhóm theo bàn. Tổ chức cho HS thực hành nội dung bài tập SGKT 55, 56  *B2. Thực hiện nhiệm vụ:*  ‌HS hoạt động cặp đôi. Thực hành làm bài tập  *B3. Báo cáo, thảo luận:*  *+* GV gọi đại diện một số nhóm (cặp) báo cáo kết quả thực hành  +‌ ‌Các‌ ‌cặp khác‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌Đánh giá chéo sản phẩm ‌của nhóm bạn dựa theo các tiêu chí trên bảng kiểm.  *B4. Kết luận, nhận định*:  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | Yêu cầu cần đạt như sau:  1) Sử dụng một bản mẫu phù hợp để tạo bài trình chiếu có từ 4 đến 6 trang.  2) Yêu cầu về bố cục trang đầu tiên có bố cục kiểu Title Slide, các trang còn lại sử dụng từ hai bố cục khác nhau trở lên.  3) Định dạng màu màu chữ, màu nền đảm bảo tính tương phản và hài hoà trong toàn bài.  4) Định dạng phông chữ, cỡ chữ tiêu đề có phông chữ Arial, cỡ chữ từ 30 đến 40; nội dung có phông chữ Times New Roman, cỡ chữ từ 22 đến 28.  5) Có ảnh và bảng trong bài trình chiếu.  6) Thiết lập hiệu ứng trình chiếu tuỳ ý.  Hướng dẫn: (bố cục trang chiếu)  - Sử dụng từ khoá "Education" để tìm kiếm bản mẫu phù hợp tạo bài trình chiếu. Tạo số lượng trang chiếu theo yêu cầu. - Chọn bố cục phù hợp và nhập nội dung cho từng trang. Ví dụ trong Hình 1: trang đầu tiên có bố cục kiểu Title Slide, trang 3 có bố cục Picture with Caption, trang 4 có bố cục Comparison. - Thiết lập bộ phông chữ cho phần tiêu đề và nội dung của bản mẫu hoặc mẫu định dạng theo yêu cầu như hướng dẫn trong Hình 2. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng.

**b) Nội dung:**Làm bài tập vận dụng trong SGK trang 56

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài tập về nhà của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*-* GV giao bài tập cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp. HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc zalo do GV cung cấp

- GV tổ chức chia sẻ và đánh giá kết quả làm bài của HS ở thời điểm phù hợp của những tiết học tiếp theo.

\* Hồ sơ học tập

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | | | |
| **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** |
| 1 | Số trang của bài trình chiếu: số trang từ 4 đến 6 trang | 1 |  |  |  |  |
| 2 | Bố cục của trang trình chiếu: có bố cục kiểu Title Slide, các trang còn lại sử dụng từ hai bố cục khác nhau trở lên. | 2 |  |  |  |  |
| 3 | Định dạng nội dung văn bản:  + Màu màu chữ, màu nền đảm bảo tính tương phản và hài hoà trong toàn bài.  + Nội dung văn bản ngắn gọn  + Định dạng phông chữ, cỡ chữ tiêu đề có phông chữ Arial, cỡ chữ từ 30 đến 40; nội dung có phông chữ Times New Roman, cỡ chữ từ 22 đến 28 | 3 |  |  |  |  |
| 4 | Có hình ảnh và bảng minh họa hợp lí | 1 |  |  |  |  |
| 5 | Hiệu ứng: hiệu ứng chuyển trang, hiệu ứng xuất hiện (hợp lí) | 1 |  |  |  |  |
| 6 | Trình bày báo cáo sinh động, hấp dẫn | 1 |  |  |  |  |
| 7 | Hiệu quả làm việc nhóm | 1 |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | **10** |  |  |  |  |